BẢNG TỔNG KÊ VẬT TƯ ĐZ 35KV KHU VỰC HUYỆN BẮC HÀ

HIỆN TRẠNG

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	Cột điện						Chụp cột 2m	Móng cột				Tiếp địa		Dây dẫn AC-70mm	Dây dẫn tăng cường AC-50/29mm	Dây dẫn AC-50mm	Xà										Cổ dề				Cách điện						Khóa néo 5 chi tiết	Khóa néo ép dây dẫn 50/30	Tạ chống rung	Móng néo MN 15-5	Dây néo					Dây tiếp địa dọc cột	Kim thu sét	Đầu cốt M70	Ghíp nhôm A50-95	Máy cắt 35kV(LBS)	BU (35kV) (bộ)	Dao các ly 3 pha 35kVchém ngang	Dao các ly 3 pha 35kVchém đứng (bộ)	Tủ điều khiển MC 35kV (Tủ)	Chống sét van 45kV (quả)
					BTLT 18m	BTLT 16m	BTLT 14m	BTLT 12m	BTLT 8m	Cột thép mạ CT8m		MTK	MT5	MT4	MCT	RC8	RC8-3T				XNII-3L (xà II 3,0m)	Xà néo đúp bằng: XNDD35-1	XN35-1L	XN35	XĐV-35	XĐ-35	XP1	XCD	XĐ (BU)	XĐ (MC, LBS)	Công sơn+ Ghế thao tác	Thang trèo 3m	Cổ dề néo góc CDG	Cổ dề néo thẳng CDT	Cổ dề CDN-2A	Cổ dề đỡ sứ	Chuỗi PC 70 (4 bát)	Chuỗi PC 70 (3 bát) đỡ lèo	Chuỗi Pô ly me kép 35kV	Chuỗi Pô ly me đơn 35kV	Sứ đứng Pô ly me 45	Sứ đứng VHD-35kV					DN 20-18	DN 20-16	DN 20-14	DN 20-12	DN TK16-14											
Tổng công				5	12	9	25	253	2	5	37		77	199	4	143	27	25773	430	67720	70	1	54	6	13	22	93	8	4	4	11	10	##	4	120	21	488	24	2	380	16	431	859	2	2	486	20	18	40	408		6	16	126	511	4	3	5	1	15	3	54
I	ĐZ 35kv xã Nậm Mòn - Bắc Hà (WB)			1		6	2	12			3		6	12		9	2			5157	4		3	1		2	8	1	1	1	2	2	9		8	1	45	6		12		42	60			26		12	4	10		2	1	6	20	1	1		1	3	1	9
*	ĐZ 35kV NR Nậm Mòn 1																																																													
1	01	NTII-2LT12	30					2						2		2				90	1			1			2	1			1	1					6					8	6			2			2		1		6					1			
2	01A	NT-LT12	42					1						1		1				126			1			1			1	1	1	1								6		12	6								1			12	1	1			1	6
3	02	ĐT-LT12	60					1			1			1		1				180						1										1						3																			
4	03	NTII-2LT12	70	1				2						2		1				210	1																6						6			2			2												
5	04	NGII-2LT12	419					2						2		1				1257	1																6						6			2			2												
6	05	NG3T-3LT16	274			3							3				1			822							3						3		3		6	3					9			6		6												
7	06	NG3T-3LT16	470			3							3				1			1410							3						6		3		6	3		3			12			6		6						6						
8	07	NGII-2LT14	186				2							2		1				558	1																3			3			3			4			4			1						3		3
9	TBA Nậm Mòn 1		17					2												51																						14																			
*	ĐZ 35kV NR Nậm Mòn 2																																																													
10	01	NT-1LT12	22					1			1			1		1				66			1												1		6					1	6			2			2					2						
11	02	NC-LT12	120					1			1			1		1				360			1												1		6					1	6			2			2											
11	TBA Nậm Mòn 2		9																	27																						3																			
II	ĐZ 35kV nhánh rẽ TBA Nậm Mòn Hạ (Cấp điện thôn Nậm Mòn Hạ)							14			2			8		9				4473	2	1	6		2	1	1	1			1		8		7	1				57		30	51			18				18			1	12	22			1				3
1	01	NTII-2LT12	17					2								1				51	1							1			1		2							6		5	6			2			2				6				1				
2	02	ĐT-LT12	65					1								1				195					1																	6												6							
3	03	NT-LT12	58					1								1				174			1												1	1			6		1																				
4	04	NG-LT12	90					1			1			1		1				270			1			1	1						1		1					6		6	6			2			2					10							
5	05	NG-LT12	263					1						1		1				789			1										1		1					6		1	6			2			2												
6	06	NG-LT12	208					1						1		1				624			1										1		1					6		1	6			2			2												
7	07	NTII-2LT12	247					2						2		1				741	1																			6			6			4			4				6							
8	08	NG-LT12	201					1			1			1		1				603			1										1		1					6		1	6			2			2												

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	HIỆN TRẠNG																																																										
					Cột điện							Móng cột				Tiếp địa					Xà												Cổ dề				Cách điện										Dây néo															
				Vượt đường giao thông	BTLT 18m	BTLT 16m	BTLT 14m	BTLT 12m	BTLT 8m	Cột thép mạ CT8m	Chụp cột 2m	MTK	MT5	MT4	MCT	RC8	RC8-3T	Dây dẫn AC-70mm	Dây dẫn tăng cường AC-50/29mm	Dây dẫn AC-50mm	XNII-3L (xà II 3,0m)	Xà néo đúp bằng: XNĐB35- 1	XN35-1L	XN35	XĐV-35	XĐ-35	XP1	XCD	XĐ (BU)	XĐ (MC, LBS)	Công son+ Ghế thao tác	Thang trèo 3m	Cổ dề néo góc CDG	Cổ dề néo thẳng CDT	Cổ dề CDN-2A	Cổ dề đỡ sứ	Chuỗi PC 70 (4 bát)	Chuỗi PC 70 (3 bát) đỡ lèo	Chuỗi Pô ly me kép 35kV	Chuỗi Pô ly me đơn 35kV	Sứ đứng Pô ly me 45	Sứ đứng VHĐ-35kV	Khóa néo 5 chi tiết	Khóa néo ép dây dẫn 50/30	Tạ chống rung	Móng néo MN 15-5	DN 20-18	DN 20-16	DN 20-14	DN 20-12	DN TK16-14	Dây tiếp địa dọc cột	Kim thu sét	Đầu cốt M70	Ghíp nhôm A50-95	Máy cắt 35kV(LBS)	BU (35kV) (bộ)	Dao các ly 3 pha 35kVchém ngang	Dao các ly 3 pha 35kVchém đứng (bộ)	Dao các ly 35 căng trên dây (pha)	Tủ điều khiển MC 35kV (Tủ)	Chống sét van 45kV (quả)
9	09	NG-LT12	106					1						1						318			1										1		1					6		1	6			2				2												
10	10	NG-LT12	195					1						1		1				585		1			1								1		1					6		1	6			2				2			1		6							3
11	TBA Nậm Mòn Hạ		41					2												123																				3		7	3																			
III	Đường dây 35KV (Đưa điện về xã Cốc ly Huyện Bắc hà)			1	3		5	99		3	15		30	70	3	48	11	25773		6330	27		13	2	7	5	37	2			2	2	33	2	39	8	6			287	8	142	277			178	6		6	166			3	60	112			2				9
*	ĐZ 35kV NR Cốc Ly																																																													
1	01	NGII-2LT12	43					2						2		1		129			1		1					1			1	1		2						6		4	6			2				2								1				
2	02	NGII-2LT12	277					2						2		1		831			1																			6			6			4				4												
3	03	NTII-2LT12	191					2						2		1		573			1																			6			6			4				4												
4	04	NGII-2LT12	329					2						2		1		987			1																			6			6			4				4				2								
5	05	NG3T-3LT18	337		3								3				1	1011									3						3		3					6		3	6			6	6						1									
6	06	NG3T-3LT12	127					3			3		3				1	381									6						3		3		6			7		9	6			6				6					6							
7	06M1	ĐT-3CT8	30							3					3		1	90					1																			6																				
8	07	NGII-2LT12	385					2						2		1		1155			1																			6			6			4				4				2								
9	08	NTII-2LT12	270					2						2		1		810			1					1	1													7	5		7			4				4					6							
10	09	ĐT-LT12	113					1						1		1		339								1										1						3																				
11	10	NGII-2LT12	109					2						2		1		327			1																			6			6			4				4												
12	11	NGII-2LT12	246					2			2			2		1		738			1																			6			6			4				4			1	2								
13	12	NGII-2LT12	265					2			2			2		2		795			1					1	1						1							7	3		7			4				4				6	6							
14	13	ĐV-LT14	116				1				1			1		1		348							1											1						6													6							
15	14	ĐV-LT14	57				1				1			1		1		171							1											1						6													6							
16	15	NG-LT12	127					1						1		1		381					1												1					6		1	6			2				2				6								
17	16	NGII-2LT12	97	1				2			2			2		1		291			1																			6			6			4				4												
18	17	NGII-2LT12	228					2						2		1		684			1																			6			6			4				4				4								
19	18	NGII-2LT12	360					2						2		1		1080			1																			6			6			4				4				6								
20	19	ĐV-LT12	56					1						1		1		168							1											1						6													6							
21	20	NGII-2LT12	141					2						2		2		423			1																			6			6			4				4				6								

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	HIỆN TRẠNG																																																							
					Cột điện						Chụp cột 2m	Móng cột				Tiếp địa		Dây dẫn AC-70mm	Dây dẫn tăng cường AC-50/29mm	Dây dẫn AC-50mm	Xà										Cổ dề				Cách điện						Khóa néo 5 chi tiết	Khóa néo ép dây dẫn 50/30	Tạ chống rung	Móng néo MN 15-5	Dây néo					Dây tiếp địa dọc cột	Kim thu sét	Đầu cốt M70	Ghíp nhôm A50-95	Máy cắt 35kV(LBS)	BU (35kV) (bộ)	Dao các ly 3 pha 35kVchém ngang	Dao các ly 35 cũng trên dây (pha)	Tủ điều khiển MC 35kV (Tủ)	Chống sét van 45kV (quả)
					BTLT 18m	BTLT 16m	BTLT 14m	BTLT 12m	BTLT 8m	Cột thép mạ CT8m		MTK	MT5	MT4	MCT	RC8	RC8-3T				XNII-3L (xà II 3,0m)	Xà néo đúp bằng: XNĐB35- 1	XN35-1L	XN35	XĐV-35	XĐ-35	XP1	XCD	XĐ (BU)	XĐ (MC, LBS)	Công son+ Ghế thao tác	Thang trèo 3m	Cổ dề néo góc CDG	Cổ dề néo thẳng CDT	Cổ dề CDN-2A	Cổ dề đỡ sứ	Chuỗi PC 70 (4 bát)	Chuỗi PC 70 (3 bát) đỡ lèo	Chuỗi Pô ly me kép 35kV	Chuỗi Pô ly me đơn 35kV	Sứ đứng Pô ly me 45	Sứ đứng VHD-35kV					DN 20-18	DN 20-16	DN 20-14	DN 20-12	DN TK16-14										
22	20M1	ĐV-LT12	154					1						1		1		462							1															6												6					
23	21	NGII-2LT12	183					2						2		1		549			1																	6			6			4				4			4	2					
24	22	NGII-2LT12	282					2						2		1		846			1																	6			6			4				4			6						
25	23	ĐV-LT12	103					1						1		1		309							1										1					6												6					
26	24	ĐV-LT12	117					1						1		1		351					1		1										1				3		8	3											12					
27	TBA Nậm Hán 1		37					2										111																						9												6					
28	25	NG-LT12	107					1						1		1		321					1												1			6		1				2				2			2						
29	26	NGII-2LT12	49					2						2		2		147			2		1				1											7		5	7			4				4				14					
30	27	NG3T-3LT14	312				3						3				1	936									3					3		3				6		3	6			6		6						6					
31	28	NG3T-3LT12	485					3					3				1	1455									3					3		3				6		3	6			6				6									
32	29	NTII-2LT12	117					2						2		1		351			1																	6			6			4				4			2						
33	30	NTII-2LT12	312					2						2		1		936			1																	6			6			4				4				6					
34	30M1	NT-LT18	152													1		456																																							
35	31	NTII-2LT12	102					2						2		1		306			1																	6			6			4				4									
36	32	NG3T-3LT12	227					3					3				1	681									3					3		3				6		3	6			6				6									
37	33	NG3T-3LT12	562					3					3				1	1686									3					3		3				6		3	6			6				6									
38	34	NG3T-3LT12	109					3					3				1	327									3					3		3				6		3	6			6				6									
39	35	NG3T-3LT12	406					3					3				1	1218									3					3		3				6		3	6			6				6									
40	36	NG3T-3LT12	427					3					3				1	1281									3					3		3				6		3	6			6				6									
41	37	NG3T-3LT12	397					3					3				1	1191									3					3		3				6		3	6			6				6					6					3
42	TBA Cốc Xâm		47					1										141																				3		7	3																	
*	ĐZ 35kV NR Nậm Giá																																																										
43	01	NTII-2LT12	35					2						2		1				105	1			2				1			1	1	2					6		4	6			2				2				6			1			
44	02	NGII-2LT12	257					2						2		1				771	1																	6			6			4				4									
45	03	NGII-2LT12	196					2						2		1				588	1				1		1											7		5	7			4				4			6	6					
46	04	ĐT-LT12	113					1						1		1				339						1									1					3																	

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	HIỆN TRẠNG																																																										
				Vượt đường giao thông	Cột điện						Chụp cột 2m	Móng cột				Tiếp địa		Dây dẫn AC-70mm	Dây dẫn tăng cường AC-50/29mm	Dây dẫn AC-50mm	Xà												Cổ dề				Cách điện						Khóa néo 5 chi tiết	Khóa néo ép dây dẫn 50/30	Tạ chống rung	Móng néo MN 15-5	Dây néo					Dây tiếp địa dọc cột	Kim thu sét	Đầu cốt M70	Ghíp nhôm A50-95	Máy cắt 35kV(LBS)	BU (35kV) (bộ)	Dao các ly 3 pha 35kVchém ngang	Dao các ly 3 pha 35kVchém đứng (bộ)	Dao các ly 35 căng trên dây (pha)	Tủ điều khiển MC 35kV (Tủ)	Chống sét van 45kV (quả)
					BTLT 18m	BTLT 16m	BTLT 14m	BTLT 12m	BTLT 8m	Cột thép mạ CT8m		MTK	MT5	MT4	MCT	RC8	RC8-3T				XNII-3L (xà II 3,0m)	Xà néo đúp bằng: XNĐB35- 1	XN35-1L	XN35	XĐV-35	XĐ-35	XP1	XCD	XĐ (BU)	XĐ (MC, LBS)	Công son+ Ghế thao tác	Thang trèo 3m	Cổ dề néo góc CDG	Cổ dề néo thẳng CDT	Cổ dề CDN-2A	Cổ dề đỡ sứ	Chuỗi PC 70 (4 bát)	Chuỗi PC 70 (3 bát) đỡ lèo	Chuỗi Pô ly me kép 35kV	Chuỗi Pô ly me đơn 35kV	Sứ đứng Pô ly me 45	Sứ đứng VHĐ-35kV					DN 20-18	DN 20-16	DN 20-14	DN 20-12	DN TK16-14											
47	05	NG-LT12	86					1						1		1				258			1												1					6		1	6			2				2												
48	06	NG-LT12	152					1						1		1				456			1												1					6		1	6			2				2												
49	07	ĐT-LT12	94					1						1		1				282						1									1							3																				
50	08	NGII-2LT12	85					2						2		1				255	1																			6			6			4				4				6								
51	09	NGII-2LT12	254					2						2		1				762	1																			6			6			4				4												
52	10	NGII-2LT12	165					2			2			2		1				495	1																			6			6			4				4												
53	11	NGII-2LT12	279					2			2			2		1				837	1																			6			6			4				4												
54	12	NG-LT12	48					1						1		1				144			1												1					6		1	6			2				2												
55	13	NG-LT12	62					1						1		1				186			1												1					6		1	6			2				2												3
56	TBA Nậm Giá		18					2												54																				3		5																				
*	ĐZ 35kV NR Nậm Hán																																																													
57	01	NG-LT12	53					1						1		1				159			1												1					6		1	6			2				2												
58	02	NG-LT12	107					1						1		1				321			1												1					6		1	6			2				2												
59	03	NG-LT12	86					1						1		1				258			1												1					6		1	6			2				2			1									3
60	TBA Nậm Hán		20					2												60																				3		5	3																			
IV	ĐZ 35KV xã Bản Liền Bắc Hà.					2	2	73	2	1	8		21	55		34	8			24434	19		11	1	2	7	26	2	1	1	2	3	22		30	6	208			9	2	110	215			134		4	2	128		2	6	18	179	1	1	1		3	1	12
*	ĐZ 35kV NR Bản Liền																																																													
1	01	NTII-2LT12	25					2						2		1				75	1			1				1			1	1					6					4	6			2				2				6				1				
2	02	NT-LT14	94				1							1		1				282			1			2	1	1	1	1	1	2	1		1		6					11	6			2				2		1		12		1	1				1	6
3	03	NG-LT14	94				1							1		1				282			1												1		6					2	6			2			2													
4	04	ĐT-LT12	118					1						1		1				354						1										1						3																				
5	05	NGII-2LT16	156			2								2		1				468	1																6						6			4		4					1		6							
6	06	NGII-2LT12	237					2						2		1				711	1																6						6			4				4												
7	07	NGII-2LT12	256					2			2			2		1				768	1		1				1										7					7	7			4				4					16							
8	08	NGII-2LT12	375					2						2		2				1125	1																6						6			4				4			1									
9	09	NG-LT12	197					1						1		1				591			1												1		6					1	6			2				2					6							

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	HIỆN TRẠNG																																																										
				Vượt đường giao thông	Cột điện						Chụp cột 2m	Móng cột				Tiếp địa		Dây dẫn AC-70mm	Dây dẫn tăng cường AC-50/29mm	Dây dẫn AC-50mm	Xà												Cổ dề				Cách điện						Khóa néo 5 chi tiết	Khóa néo ép dây dẫn 50/30	Tạ chống rung	Móng néo MN 15-5	Dây néo					Dây tiếp địa dọc cột	Kim thu sét	Đầu cốt M70	Ghíp nhôm A50-95	Máy cắt 35kV(LBS)	BU (35kV) (bộ)	Dao các ly 3 pha 35kVchém ngang	Dao các ly 3 pha 35kVchém đứng (bộ)	Dao các ly 35 căng trên dây (pha)	Tủ điều khiển MC 35kV (Tủ)	Chống sét van 45kV (quả)
					BTLT 18m	BTLT 16m	BTLT 14m	BTLT 12m	BTLT 8m	Cột thép mạ CT8m		MTK	MT5	MT4	MCT	RC8	RC8-3T				XNII-3L (xà II 3,0m)	Xà néo đúp bằng: XNDB35- 1	XN35-1L	XN35	XĐV-35	XĐ-35	XP1	XCD	XĐ (BU)	XĐ (MC, LBS)	Công son+ Ghế thao tác	Thang trèo 3m	Cổ dề néo góc CDG	Cổ dề néo thẳng CDT	Cổ dề CDN-2A	Cổ dề đỡ sứ	Chuỗi PC 70 (4 bát)	Chuỗi PC 70 (3 bát) đỡ lèo	Chuỗi Pô ly me kép 35kV	Chuỗi Pô ly me đơn 35kV	Sứ đứng Pô ly me 45	Sứ đứng VHĐ-35kV					DN 20-18	DN 20-16	DN 20-14	DN 20-12	DN TK16-14											
10	10	NG-LT12	236					1						1		1				708			1												1		6					1	6			2				2												
11	10M1	ĐT-LT12	213					1			1			1		1				639						1																3																				
12	11	NGII-2LT12	337					2						2		1				1011	1																6						6			4				4												
13	12	NGII-2LT12	95					2						2		1				285	1																6						6			4				4												
14	13	NG-LT12	115					1						1		1				345			1												1		6					1	6			2				2					6							
15	14	ĐT-LT12	143					1			1			1		1				429					1											1						6													6							
16	15	ĐT-LT12	300					1			1			1		1				900					1											1						6													6							
17	16	NG3T-3LT12	130					3					3				1			390							3						3		3		6					3	6			6				6					2							
18	17	NG3T-3LT12	473					3					3				1			1419							3						3		3		6					3	6			6				6					6							
19	18	NG3T-3LT12	148					3					3				1			444							3						3		3		6					3	6			6				6					6							
20	19	NG3T-3LT12	541					3					3				1			1621.5							3						3		3		6					3	6			6				6					6							
21	19M1	ĐT-3LT8m							2	1				3			1																			2					2	2																				
22	20	NG3T-3LT12	547					3					3				1			1641							3						3		3		6					3	6			6				6					2							
23	21	NGII-2LT12	160					2						2		1				480	1																6						6			4				4												
24	22	NGII-2LT12	217					2						2		1				651	1																6						6			4				4												
25	23	NGII-2LT12	244					2						2		1				732	1																6						6			4				4					6							
26	24	NGII-2LT12	182					2						2		1				546	1						2										6			1		3	7			4				4					6							
27	25	NGII-2LT12	177					2						2		1				531	1																6						6			4				4												
28	26	NGII-2LT12	255					2						2		1				765	1																6						6			4				4			1									
29	27	NGII-2LT12	273					2						2		1				819.9	1																6						6			4				4					6							
30	28	NGII-2LT12	204					2						2		1				612	1																6						6			4				4			1		6							
31	29	NGII-2LT12	410					2						2		1				1230	1		1				1										6			3			9			4				4					9							
32	30	NGII-2LT12	118					2						2		1				354	1																6						6			4				4												
33	31	NGII-2LT12	65					2						2		1				195	1																6						6			4				4												
34	32	NG3T-3LT12	125					3					3				1			375							3						3		3		6					3	6			6				6					6							
35	33	NG3T-3LT12	305					3			3		3				1			915							3						3		3		6					3	6			6				6					6							

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	HIỆN TRẠNG																																																										
				Vượt đường giao thông	Cột điện						Chụp cột 2m	Móng cột				Tiếp địa		Dây dẫn AC-70mm	Dây dẫn tăng cường AC-50/29mm	Dây dẫn AC-50mm	Xà												Cổ dề				Cách điện						Khóa néo 5 chi tiết	Khóa néo ép dây dẫn 50/30	Tạ chống rung	Móng néo MN 15-5	Dây néo					Dây tiếp địa dọc cột	Kim thu sét	Đầu cốt M70	Ghíp nhôm A50-95	Máy cắt 35kV(LBS)	BU (35kV) (bộ)	Dao các ly 3 pha 35kVchém ngang	Dao các ly 3 pha 35kVchém đứng (bộ)	Dao các ly 35 cầng trên dây (pha)	Tủ điều khiển MC 35kV (Tủ)	Chống sét van 45kV (quả)
					BTLT 18m	BTLT 16m	BTLT 14m	BTLT 12m	BTLT 8m	Cột thép mạ CT8m		MTK	MT5	MT4	MCT	RC8	RC8-3T				XNII-3L (xà II 3,0m)	Xà néo đúp bằng: XNĐB35- 1	XN35-1L	XN35	XĐV-35	XĐ-35	XP1	XCD	XĐ (BU)	XĐ (MC, LBS)	Công son+ Ghế thao tác	Thang trèo 3m	Cổ dề néo góc CDG	Cổ dề néo thẳng CDT	Cổ dề CDN-2A	Cổ dề đỡ sứ	Chuỗi PC 70 (4 bát)	Chuỗi PC 70 (3 bát) đỡ lèo	Chuỗi Pô ly me kép 35kV	Chuỗi Pô ly me đơn 35kV	Sứ đứng Pô ly me 45	Sứ đứng VHĐ-35kV					DN 20-18	DN 20-16	DN 20-14	DN 20-12	DN TK16-14											
36	34	NGII-2LT12	30					2						2		1				90	1																6						6			4				4			1		4							
37	35	NG-LT12	92					1						1		1				276			1			1									1		6			2		3	6			2				2					12							3
40	TBA Bản Liền 2		26					2												78																						15													22							
*	ĐZ 35kV NR Bản Liền 1																																																													
41	01	NG-LT12	20					1						1		1				60			1												1		3			3		1	6			2				2		1								3		
42	02	ĐT-LT12	165					1						1		1				495						1										1						3																				
43	03	NG-LT12	119					1						1		1				357			1												1		6					1	6			2				2			1									
44	04	NG-LT12	87					1						1		1				261			1			1									1		6					1	6			2				2					6							3
45	TBA Bản Liền 1		41					2												123																						15													22							
V	ĐZ 35KV xã Hoàng Thu Phố - Bắc hà (WB)			3	9	1	16	55		1	9		20	54	1	43	6		430	27326	18		21	2	2	7	21	2	2	2	4	3	50	2	36	5	229	18	2	15	6	107	256	2	2	130	14	2	28	86		2	5	30	178	2	1	1		9	1	21
1	01	NGII-2LT12	20					2						2		1				60	1			2				1	1	1	1	1		2			6					9	6			2				2				12		1		1				6
2	02	NG-LT12	56					1						1		1				168			1										1		1		6					1	6			2				2												
3	03	NTII-2LT12	191					2						2		1				573	1																6						6			4				4												
4	04	NG3T-3LT14	375				3						3				1			1125							3						3		3		5	3	1				8	1	1	6			6													
5	05	NG3T-2LT14(1LT18)	430	1	3		3						3				1		430	860							3						3		3		5	3	1				8	1	1	6	2		4						2							
6	06	ĐT-LT12	70					1			1			1		1				210						1										1						3																				
7	07	NG-LT12	103					1			1			1		1				309			1												1		6					1	6			2				2												
8	07M1	ĐT1P-CT8	25							1					1	1				75																						2													2							
9	08	ĐT-LT12	63					1			1			1		1				189						1										1						3																				
10	09	NGII-2LT12	76					2						2		1				228	1												2				6						6			4				4			1									
11	10	NGII-2LT12	179					2						2		1				537	1												2				6						6			4				4				6								
12	11	NGII-2LT12	561					2						2		1				1683	1												2				6						6			4				4												
13	12	NGII-2LT14	202				2							2		1				606	1		1				1						2				9					1	9			4			4						6							
14	13	NG3T-3LT14	378				3						3				1			1134							3						3		3		6	3					9			6			6						6							
15	14	NG-LT12	344					1			1			1		1				1032			1												1		6					1	6			2				2												
16	15	NG-LT14	63				1							1		1				189			1												1		6					1	6			2			2													

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	HIỆN TRẠNG																																																								
					Cột điện							Móng cột				Tiếp địa					Xà										Cổ dề				Cách điện											Dây néo															
					BTLT 18m	BTLT 16m	BTLT 14m	BTLT 12m	BTLT 8m	Cột thép mạ CT8m	Chụp cột 2m	MTK	MT5	MT4	MCT	RC8	RC8-3T	Dây dẫn AC-70mm	Dây dẫn tăng cường AC-50/29mm	Dây dẫn AC-50mm	XNH-3L (xà H 3,0m)	Xà néo đúp bằng: XNĐB35- 1	XN35-1L	XN35	XĐV-35	XĐ-35	XP1	XCĐ	XĐ (BU)	XĐ (MC, LBS)	Công son+ Ghế thao tác	Thang trèo 3m	Cổ dề néo góc CDG	Cổ dề néo thẳng CDT	Cổ dề CDN-2A	Cổ dề đỡ sứ	Chuỗi PC 70 (4 bát)	Chuỗi PC 70 (3 bát) đỡ lèo	Chuỗi Pô ly me kép 35kV	Chuỗi Pô ly me đơn 35kV	Sứ đứng Pô ly me 45	Sứ đứng VHD-35kV	Khóa néo 5 chi tiết	Khóa néo ép dây dẫn 50/30	Tạ chống rung	Móng néo MN 15-5	DN 20-18	DN 20-16	DN 20-14	DN 20-12	DN TK16-14	Dây tiếp địa dọc cột	Kim thu sét	Đầu cốt M70	Ghíp nhôm A50-95	Máy cắt 35kV(LBS)	BU (35kV) (bộ)	Dao cách ly 3 pha 35kVchém ngang	Dao cách ly 3 pha 35kVchém đứng (bộ)	Dao cách ly 35 căng trên dây (pha)	Tủ điều khiển MC 35kV (Tủ)	Chống sét van 45kV (quả)
17	16	NG-LT16	95			1							1			1				285			1										1		6					1	6			2		2															
18	17	NG-LT12	239					1						1		1				717			1										1		6					1	6			2				2													
19	18	NG3T-3LT14	158				3						3				1			474						3					3		3		6	3					9			6			6					6							
20	19	NG3T-3LT18	560	1	3								3				1			1680						3					3		3		6	3					9			6	6							6							
21	20	NG3T-3LT18	674	1	3								3				1			2022						3					3		3		6	3					9			6	6							6							
22	21	NGII-2LT12	197					2						2		1				591	1										2				6						6			4				4				6							
23	22	NGII-2LT12	306					2						2		1				918	1		1			1					2				6					7	6			4				4				6							
24	23	NGII-2LT12	360					2						2		1				1080	1										2				6						6			4				4											
25	24	NG-LT12	209					1						1		1				627			1										1		6					1	6			2				2											
26	25	ĐT-LT12	164					1						1		1				492					1									1					6																					
27	26	NG-LT12	78					1						1		1				234			1										1		3			3		1	6			2				2				6				3		
28	27	NG-LT12	164					1						1		1				492			1										1		6					1	6			2				2			1							
29	28	NG-LT12	133					1						1		1				399			1										1		6					1	6			2				2				6						
30	29	ĐT-LT12	139					1						1		1				417					1									1						3									1									
31	30	NGII-2LT12	169					2			2			2		1				507	1										2				6						6			4				4			1							
32	31	NGII-2LT12	227					2						2		1				681	1										2				6						6			4				4										
33	32	NGII-2LT12	302					2						2		1				906	1										2				6						6			4				4				6						
34	32M1	ĐT-LT12	150					1						1		1				450					1									1					3																				
35	33	NGII-2LT12	230					2						2		2				690	2										2				6						6			4				4				6						
36	34	NG-LT12	200					1			1			1		1				600			1										1		6					1	6			2				2				6						
37	35	NG-LT12	166					1			1			1		1				498			1										1		6					1	6			2				2			1		6						
38	36	NG-LT12	143					1						1		1				429			1			1					1		1		6					1	6			2				2				6						3
39	TBA Bản Pẩy		20					1												60																			12													12						
*	ĐZ 35kV NR Ủy Sin Chồ																																																										
39	01	NT-LT12	87					1						1		1				261			1			2		1	1	1	2	1			1		3			3		5	3								1		12		1	1			3	1	6
40	02	ĐT-LT12	82					1					1			1				246				1						1	1									13													24						

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	HIỆN TRẠNG																																																									
					Cột điện						Chụp cột 2m	Móng cột				Tiếp địa		Dây dẫn AC-70mm	Dây dẫn tăng cường AC-50/29mm	Dây dẫn AC-50mm	Xà												Cổ dề				Cách điện						Khóa néo 5 chi tiết	Khóa néo ép dây dẫn 50/30	Tạ chống rung	Móng néo MN 15-5	Dây néo					Dây tiếp địa dọc cột	Kim thu sét	Đầu cốt M70	Ghíp nhôm A50-95	Máy cắt 35kV(LBS)	BU (35kV) (bộ)	Dao các ly 3 pha 35kVchém ngang	Dao các ly 3 pha 35kVchém đứng (bộ)	Dao các ly 35 căng trên dây (pha)	Tủ điều khiển MC 35kV (Tủ)	Chống sét van 45kV (quả)
					BTLT 18m	BTLT 16m	BTLT 14m	BTLT 12m	BTLT 8m	Cột thép mạ CT8m		MTK	MT5	MT4	MCT	RC8	RC8-3T				XNII-3L (xà II 3,0m)	Xà néo đúp bằng: XNĐB35- 1	XN35-1L	XN35	XĐV-35	XĐ-35	XP1	XCD	XĐ (BU)	XĐ (MC, LBS)	Công son+ Ghế thao tác	Thang trèo 3m	Cổ dề néo góc CDG	Cổ dề néo thẳng CDT	Cổ dề CDN-2A	Cổ dề đỡ sứ	Chuỗi PC 70 (4 bát)	Chuỗi PC 70 (3 bát) đỡ lèo	Chuỗi Pô ly me kép 35kV	Chuỗi Pô ly me đơn 35kV	Sứ đứng Pô ly me 45	Sứ đứng VHĐ-35kV					DN 20-18	DN 20-16	DN 20-14	DN 20-12	DN TK16-14											
41	03	NG-LT14	106				1							1		1				318			1										1		1		6					1	6																				
42	04	NGII-2LT12	112					2						2		1				336	1		1				1						2				6			3		3	6			4				4					12							
43	04M1	NGII-2LT12	186					2						2		1				558	1												2				6						6			4				4												
44	05	NGII-2LT12	186					2						2		2				558	2												2				6						6			4				4												
45	06	NG-LT12	145					1			1			1		1				435			1												1		6					2	6			2				2			1									
46	07	NG-LT12	41					1						1		1				123			1												1		6					1	6			2				2												3
47	TBA Ủy Sìn Chồ		42					1												126																						13													24							
*	ĐZ 35kV NR Nậm Hu																																																													
48	01	NT-LT12	16					1						1		1				48			1										1		1					6		1	6			2				2										3		3
49	TBA Nậm Hu		30					2												90																						12													18							

BẢNG TỔNG KÊ VẬT TƯ ĐZ 35KV KHU VỰC HUYỆN BẮC HÀ

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	HIỆN TRẠNG				VẬT TƯ MỚI																												Ghi chú
					Cột điện									Dây néo		Tiếp địa		Dây tiếp địa dọc cột					Cách điện														
					BTLT 18m	BTLT 16m	BTLT 14m	BTLT 12m	Biển báo số cột + biển báo an toàn	Móng cột MT5-16	Cột BTLT PC.I-16-9.2	Chụp cột thép tròn Ø216-3m	Xà đỡ vượt XĐV-35	Dây néo DN 20-16	Dây néo DN 20-14	RP1	RP1-3T	18m	16m	14m	12m	Mỡ dẫn điện	Chuỗi néo kép Polymer 35kV(≥70kN)+phụ kiện (Không giáp níu)	Chuỗi néo đơn Polymer 35kV(≥70kN) +phụ kiện (Không giáp níu)	Cách điện đứng VHD-48kV	Giáp níu dây dẫn 70/11	Giáp níu dây dẫn 50/8	Khóa néo 5 chỉ tiết	Khóa néo ép dây dẫn 70/30	Khóa néo ép dây dẫn 50/30	Đầu cốt siết lưỡng kim 50-95mm2 (2BL)	Tự chống rung	Dây nhôm lõi thép tăng cường AC-70/29	Dây nhôm lõi thép tăng cường AC-50/29	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m) khóa cổ sứ	Ghíp nhôm A25-120 (3BL)	Dáo các ly 3 pha 35kV chêm ngang (bộ)	
Tổng cộng				5	12	9	25	253	304	1	1	38	10		56	33	11	6		12	47	1.09	286	571	465	163	597	37	24	46	304	70	5752.8	12399.6	39	398	1	
I	ĐZ 35kv xã Nậm Mòn - Bắc Hà (WB)			1		6	2	12	22			3	1		4	2					2	0.04	9	51	45		54	6			20				3	12	1	
*	ĐZ 35kV NR Nậm Mòn 1																																				
1	01	NTII-2LT12	30					2	2															6	8		6				6						1	
2	01A	NT-LT12	42					1	1															6	12		6				12							
3	02	ĐT-LT12	60					1	1			1	1												6										3	6		Vượt đường phía cột 03
4	03	NTII-2LT12	70	1				2	2														6				6											Vượt đường 2 phía
5	04	NGII-2LT12	419					2	2														3	3			6											Vượt đường phía cột 03
6	05	NG3T-3LT16	274			3			3															9			6	3										
7	06	NG3T-3LT16	470			3			3															12			9	3								6		Điểm đấu NR Cốc Ly
8	07	NGII-2LT14	186				2		2															3			3											
9	TBA Nậm Mòn 1		17					2	2																14												
*	ĐZ 35kV NR Nậm Mòn 2																																				
10	01	NT-1LT12	22					1	1			1			2	1					1	0.02		6	1		6				2							
11	02	NC-LT12	120					1	1			1			2	1					1	0.02		6	1		6											
11	TBA Nậm Mòn 2		9						2																3													
II	ĐZ 35kV nhánh rẽ TBA Nậm Mòn Hạ (Cấp điện thôn Nậm Mòn Hạ)							14	14			1			2	3					3	0.06	15	42	25		57				6					12		
1	01	NTII-2LT12	17					2	2														3	3	5		6											Vượt đường hướng về cột 02

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	HIỆN TRẠNG				VẬT TƯ MỚI																												Ghi chú
					Cột điện									Dây néo		Tiếp địa		Dây tiếp địa dọc cột					Cách điện														
					BTLT 18m	BTLT 16m	BTLT 14m	BTLT 12m	Biển báo số cột + biển báo an toàn	Móng cột MT5-16	Cột BTLT PC.I-16-9.2	Chụp cột thép tròn Ø216-3m	Xà đỡ vượt XDY-35	Dây néo DN 20-16	Dây néo DN 20-14	RP1	RP1-3T	18m	16m	14m	12m	Mỡ dẫn điện	Chuỗi néo kép Polymer 35kV(≥70kN)+phụ kiện (Không giáp nối)	Chuỗi néo đơn Polymer 35kV(≥70kN) +phụ kiện (Không giáp nối)	Cách điện đứng VHD-48kV	Giáp nối dây dẫn 70/11	Giáp nối dây dẫn 50/8	Khóa néo 5 chi tiết	Khóa néo ép dây dẫn 70/30	Khóa néo ép dây dẫn 50/30	Đầu cốt siết lưỡng kim 50-95mm2 (2BL)	Tạ chống rung	Dây nhôm lõi thép tăng cường AC-70/29	Dây nhôm lõi thép tăng cường AC-50/29	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m) khóa cổ sứ	Chụp nhôm A25-120 (3BL)	Dao các ly 3 pha 35kV chém ngang (bộ)	
2	02	ĐT-LT12	65					1	1															6											6		Vượt đường hướng về cột 01
3	03	NT-LT12	58					1	1							1					1	0.02		6	1		6											
4	04	NG-LT12	90					1	1							1					1	0.02		6	1		6											Điểm đấu TBA Nậm Mòn
5	05	NG-LT12	263					1	1															6	1		6											
6	06	NG-LT12	208					1	1														3	3	1		6											Vượt đường hướng về cột 07
7	07	NTII-2LT12	247					2	2														6				6				6							Vượt đường 2 phía
8	08	NG-LT12	201					1	1			1			2	1					1	0.02	3	3	1		6											Vượt đường hướng về cột 07
9	09	NG-LT12	106					1	1															6	1		6											
10	10	NG-LT12	195					1	1															6	1		6									6		
11	TBA Nậm Mòn Hạ		41					2	2															3	7		3											
III	Đường dây 35KV (Đưa điện về xã Cốc ly Huyện Bắc hà)			1	3		5	99	110			15	2		26	12	8			8	28	0.56	69	214	150	163	90	13	24		86	24	5752.8		12	128		
*	ĐZ 35kV NR Cốc Ly																																					
1	01	NGII-2LT12	43					2	2							1					1	0.02		6		6												
2	02	NGII-2LT12	277					2	2															6		6												
3	03	NTII-2LT12	191					2	2															6		6												
4	04	NGII-2LT12	329					2	2														3	3		6				2								Vượt đường phía cột 05
5	05	NG3T-3LT18	337		3				3														3	3	3	6												Vượt đường phía cột 04
6	06	NG3T-3LT12	127					3	3			3			6									7	9	7										6		Điểm đấu NR Nậm Mòn Hạ
7	06M1	ĐT-3CT8	30						3																6										3	6		

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	HIỆN TRẠNG				VẬT TƯ MỚI																												Ghi chú
					Cột điện									Dây néo		Tiếp địa		Dây tiếp địa dọc cột					Cách điện														
					BTLT 18m	BTLT 16m	BTLT 14m	BTLT 12m	Biển báo số cột+ biển báo an toàn	Móng cột MT5-16	Cột BTLT PC.I-16-9.2	Chụp cột thép tròn Ø216-3m	Xà đỡ vượt XDV-35	Dây néo DN 20-16	Dây néo DN 20-14	RP1	RP1-3T	18m	16m	14m	12m	Mỡ dẫn điện	Chuỗi néo kép Polymer 35kV(≥70kN)+phụ kiện (Không giáp nối)	Chuỗi néo đơn Polymer 35kV(≥70kN) +phụ kiện (Không giáp nối)	Cách điện đứng VHD-48kV	Giáp nối dây dẫn 70/11	Giáp nối dây dẫn 50/8	Khóa néo 5 chi tiết	Khóa néo ép dây dẫn 70/30	Khóa néo ép dây dẫn 50/30	Đầu cốt siết lưỡng kim 50-95mm2 (2BL)	Tạ chống rung	Dây nhôm lõi thép tăng cường AC-70/29	Dây nhôm lõi thép tăng cường AC-50/29	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m) khóa cổ sứ	Ghíp nhôm A25-120 (3BL)	Dao cách ly 3 pha 35kV chém ngang (bộ)	
8	07	NGII-2LT12	385					2	2							1					1	0.02		6		6					2							
9	08	NTII-2LT12	270					2	2							1					1	0.02		7		7										6		Điểm đấu NR Ngải Số
10	09	ĐT-LT12	113					1	1																6										3	6		
11	10	NGII-2LT12	109					2	2															6		6												
12	11	NGII-2LT12	246					2	2			2			4									6		6					2							
13	12	NGII-2LT12	265					2	2			2			4	1					1	0.02		7	3	7		7			6					6		Điểm đấu NR Cốc Cài Thượng
14	13	ĐV-LT14	116				1		1			1				1				1		0.02			6											6		
15	14	ĐV-LT14	57				1		1			1				1				1		0.02			6											6		
16	15	NG-LT12	127					1	1														3	3	1	6					6							Vượt đường hướng về cột 14
17	16	NGII-2LT12	97	1				2	2			2			4	1					1	0.02	3	3		6												Vượt đường hướng về cột 17
18	17	NGII-2LT12	228					2	2														6			6					4							Vượt đường 2 phía
19	18	NGII-2LT12	360					2	2														3	3		6					6							Vượt đường hướng về cột 17
20	19	ĐV-LT12	56					1	1																6											6		Vượt đường hướng về cột 20
21	20	NGII-2LT12	141					2	2														3	3		6					6							Vượt đường hướng về cột 19
22	20M1	ĐV-LT12	154					1	1																6											6		
23	21	NGII-2LT12	183					2	2														3	3		6					6							Vượt đường hướng về cột 22
24	22	NGII-2LT12	282					2	2														3	3		6					6							Vượt đường hướng về cột 21
25	23	ĐV-LT12	103					1	1																6											6		
26	24	ĐV-LT12	117					1	1																8											12		Điểm đấu NR Nậm Hán 1
27	TBA Nậm Hán 1		37					2	2																9											6		

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	HIỆN TRẠNG				VẬT TƯ MỚI																												Ghi chú
					Cột điện									Dây néo		Tiếp địa		Dây tiếp địa dọc cột					Cách điện														
					BTLT 18m	BTLT 16m	BTLT 14m	BTLT 12m	Biển báo số cột + biển báo an toàn	Móng cột MT5-16	Cột BTLT PC.I-16-9.2	Chụp cột thép tròn Ø216-3m	Xà đỡ vượt XDV-35	Dây néo DN 20-16	Dây néo DN 20-14	RP1	RP1-3T	18m	16m	14m	12m	Mỡ dẫn điện	Chuỗi néo kép Polymer 35kV(≥70kN)+phụ kiện (Không giáp nối)	Chuỗi néo đơn Polymer 35kV(≥70kN) +phụ kiện (Không giáp nối)	Cách điện đứng VHD-48kV	Giáp nối dây dẫn 70/11	Giáp nối dây dẫn 50/8	Khóa néo 5 chi tiết	Khóa néo ép dây dẫn 70/30	Khóa néo ép dây dẫn 50/30	Đầu cốt siết lưỡng kim 50-95mm2 (2BL)	Tạ chống rung	Dây nhôm lõi thép tăng cường AC-70/29	Dây nhôm lõi thép tăng cường AC-50/29	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m) khóa cổ sứ	Ghíp nhôm A25-120 (3BL)	Dao các ly 3 pha 35kVchém ngang (bộ)	
28	25	NG-LT12	107					1	1														3	3	1	6					2							Vượt đường hướng về cột 24
29	26	NGII-2LT12	49					2	2							1					1	0.02		7	5	7										14		Điểm đấu NR Nậm Giá
30	27	NG3T-3LT14	312				3		3								1			3		0.04	3	3	3	3			3			3						
31	28	NG3T-3LT12	485					3	3								1			3		0.04	3	3	3	3			3			3	1484.1					Khoảng vượt lớn hơn 400m
32	29	NTII-2LT12	117					2	2															6		6					2							
33	30	NTII-2LT12	312					2	2															6		6										6		Điểm đấu MV Lùng Xa
34	30M1	NT-LT18	152																																			Điểm đấu NR Nậm Hán 2
35	31	NTII-2LT12	102					2	2														3	3		6												Vượt đường hướng về cột 32
36	32	NG3T-3LT12	227					3	3								1				3	0.04	6		3	3			3			3						Vượt đường hướng về cột 31
37	33	NG3T-3LT12	562					3	3								1				3	0.04	3	3	3	3			3			3	1719.7					Khoảng vượt lớn hơn 400m
38	34	NG3T-3LT12	109					3	3								1				3	0.04	3	3	3	3			3		6	3						
39	35	NG3T-3LT12	406					3	3								1				3	0.04	6		3				6			6	1242.4					Khoảng vượt lớn hơn 400m
40	36	NG3T-3LT12	427					3	3								1				3	0.04	6		3			3	3		6	3	1306.6					Khoảng vượt lớn hơn 400m
41	37	NG3T-3LT12	397					3	3								1				3	0.04	3	3	3	3		3								6		
42	TBA Cốc Xâm		47					1	1															3	7	3												
*	ĐZ 35kV NR Nậm Giá																																					
43	01	NTII-2LT12	35					2	2															6	4		6									6		
44	02	NGII-2LT12	257					2	2															6			6											
45	03	NGII-2LT12	196					2	2															6	5		6				6					6		Điểm đấu NR Nậm Hán
46	04	ĐT-LT12	113					1	1				1												6										3	6		

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	HIỆN TRẠNG				VẬT TƯ MỚI																												Ghi chú
					Cột điện									Dây néo		Tiếp địa		Dây tiếp địa dọc cột					Cách điện														
					BTLT 18m	BTLT 16m	BTLT 14m	BTLT 12m	Biển báo số cột + biển báo an toàn	Móng cột MT5-16	Cột BTLT PC.I-16-9.2	Chụp cột thép tròn Ø216-3m	Xà đỡ vượt XDV-35	Dây néo DN 20-16	Dây néo DN 20-14	RP1	RP1-3T	18m	16m	14m	12m	Mỡ dẫn điện	Chuỗi néo kép Polymer 35kV(≥70kN)+phụ kiện (Không giáp níu)	Chuỗi néo đơn Polymer 35kV(≥70kN) +phụ kiện (Không giáp níu)	Cách điện đứng VHD-48kV	Giáp níu dây dẫn 70/11	Giáp níu dây dẫn 50/8	Khóa néo 5 chỉ tiết	Khóa néo ép dây dẫn 70/30	Khóa néo ép dây dẫn 50/30	Đầu cốt siết lưỡng kim 50-95mm2 (2BL)	Tạ chống rung	Dây nhôm lõi thép tăng cường AC-70/29	Dây nhôm lõi thép tăng cường AC-50/29	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m) khóa cổ sứ	Ghíp nhôm A25-120 (3BL)	Dao cách ly 3 pha 35kV chém ngang (bù)	
47	05	NG-LT12	86					1	1														6	1		6											
48	06	NG-LT12	152					1	1														6	1		6											
49	07	ĐT-LT12	94					1	1				1											6										3	6		
50	08	NGII-2LT12	85					2	2														6			6				6							
51	09	NGII-2LT12	254					2	2														6			6											
52	10	NGII-2LT12	165					2	2			2			4	1					1	0.02		6			6				6						
53	11	NGII-2LT12	279					2	2			2			4	1					1	0.02		6			6				6						
54	12	NG-LT12	48					1	1							1					1	0.02		6	1		6										
55	13	NG-LT12	62					1	1							1					1	0.02		6	1		6										
56	TBA Nậm Giá		18					2	2															3	5		3										
*	ĐZ 35kV NR Nậm Hán																																				
57	01	NG-LT12	53					1	1														6	1		6											
58	02	NG-LT12	107					1	1														6	1		6											
59	03	NG-LT12	86					1	1														6	1		6											
60	TBA Nậm Hán		20					2	2														3	5		3											
IV	ĐZ 35KV xã Bản Liền Bắc Hà.					2	2	73	80			10	3		10	1					1	0.02	84	126	123		189			24	100	24		6029.73	9	114		
*	ĐZ 35kV NR Bản Liền																																				
1	01	NTII-2LT12	25					2	2														3	3	4		6				6							Vượt đường phía cột 02
2	02	NT-LT14	94				1		1														6		11		6											Vượt đường 2 phía
3	03	NG-LT14	94				1		1														6		2		6											Vượt đường 2 phía

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	HIỆN TRẠNG				VẬT TƯ MỚI																												Ghi chú
					Cột điện									Dây néo		Tiếp địa		Dây tiếp địa dọc cột					Cách điện														
					BTLT 18m	BTLT 16m	BTLT 14m	BTLT 12m	Biển báo số cột + biển báo an toàn	Móng cột MT5-16	Cột BTLT PC.I-16-9.2	Chụp cột thép tròn Ø216-3m	Xà đỡ vượt XDV-35	Dây néo DN 20-16	Dây néo DN 20-14	RP1	RP1-3T	18m	16m	14m	12m	Mỡ dẫn điện	Chuỗi néo kép Polymer 35kV(≥70kN)+phụ kiện (Không giáp níu)	Chuỗi néo đơn Polymer 35kV(≥70kN) +phụ kiện (Không giáp níu)	Cách điện đứng VHD-48kV	Giáp níu dây dẫn 70/11	Giáp níu dây dẫn 50/8	Khóa néo 5 chỉ tiết	Khóa néo ép dây dẫn 70/30	Khóa néo ép dây dẫn 50/30	Đầu cốt siết lưỡng kim 50-95mm2 (2BL)	Tạ chống rung	Dây nhôm lõi thép tăng cường AC-70/29	Dây nhôm lõi thép tăng cường AC-50/29	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m) (khóa cổ sứ	Ghíp nhôm A25-120 (3BL)	Dao cách ly 3 pha 35kV chém ngang (hở)	
4	04	ĐT-LT12	118					1	1				1												6										3	6		Vượt đường 2 phía
5	05	NGII-2LT16	156			2			2														6				6				6							Vượt đường 2 phía
6	06	NGII-2LT12	237					2	2														6				6											Vượt đường 2 phía
7	07	NGII-2LT12	256					2	2			2			4								6	1	7		7				6					10		Vượt đường 2 phía
8	08	NGII-2LT12	375					2	2														3	3			6											Vượt đường phía 07
9	09	NG-LT12	197					1	1															6	1		6				6							
10	10	NG-LT12	236					1	1															6	1		6											
11	10M1	ĐT-LT12	213					1	1			1	1			1					1	0.02			6										3	6		
12	11	NGII-2LT12	337					2	2															6			6											
13	12	NGII-2LT12	95					2	2															6			6											
14	13	NG-LT12	115					1	1															6	1		6				6							
15	14	ĐT-LT12	143					1	1			1													6											6		
16	15	ĐT-LT12	300					1	1			1													6											6		
17	16	NG3T-3LT12	130					3	3														3	3	3		3			3	6	3						
18	17	NG3T-3LT12	473					3	3														3	3	3		3			3	6	3		1447.38				Khoảng vượt lớn hơn 400m
19	18	NG3T-3LT12	148					3	3														3	3	3		3			3	6	3						
20	19	NG3T-3LT12	541					3	3														6		3					6	3	6		1653.93				Khoảng vượt lớn hơn 400m
21	19M1	ĐT-3LT8m							3			2													6											6		
22	20	NG3T-3LT12	547					3	3														3	3	3		3			3	6	3		1673.82				Khoảng vượt lớn hơn 400m
23	21	NGII-2LT12	160					2	2															6			6											

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	HIỆN TRẠNG				VẬT TƯ MỚI																											Ghi chú
					Cột điện									Dây néo		Tiếp địa		Dây tiếp địa dọc cột					Cách điện													
					BTLT 18m	BTLT 16m	BTLT 14m	BTLT 12m	Biển báo số cột + biển báo an toàn	Móng cột MT5-16	Cột BTLT PC.I-16-9.2	Chụp cột thép tròn Ø216-3m	Xà đỡ vượt XDV-35	Dây néo DN 20-16	Dây néo DN 20-14	RP1	RP1-3T	18m	16m	14m	12m	Mỏ dẫn điện	Chuỗi néo kép Polymer 35kV(≥70kN)+phụ kiện (Không giáp nối)	Chuỗi néo đơn Polymer 35kV(≥70kN) +phụ kiện (Không giáp nối)	Cách điện đứng VHD-48kV	Giáp nối dây dẫn 70/11	Giáp nối dây dẫn 50/8	Khóa néo 5 chi tiết	Khóa néo ép dây dẫn 70/30	Khóa néo ép dây dẫn 50/30	Đầu cốt siết lưỡng kim 50-95mm2 (2BL)	Tạ chống rung	Dây nhôm lõi thép tăng cường AC-70/29	Dây nhôm lõi thép tăng cường AC-50/29	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m) khóa cổ sứ	Ghíp nhôm A25-120 (3BL)	Dao các ly 3 pha 35kV chém ngang (bộ)	
24	22	NGII-2LT12	217					2	2														6			6											
25	23	NGII-2LT12	244					2	2														6			6				6							
26	24	NGII-2LT12	182					2	2													3	3	3		6									6		Điểm đấu NR Đội 3, vượt đường cột về phía cột 25
27	25	NGII-2LT12	177					2	2													6				6											Vượt đường 2 phía
28	26	NGII-2LT12	255					2	2													6				6											Vượt đường 2 phía
29	27	NGII-2LT12	273					2	2													3	3			6				6							Vượt đường phía cột 26
30	28	NGII-2LT12	204					2	2													3	3			6			3	6	3						
31	29	NGII-2LT12	410					2	2													3	3			3			3	3	3		1254.6		6		Khoảng vượt lớn hơn 400m
32	30	NGII-2LT12	118					2	2														6			6											
33	31	NGII-2LT12	65					2	2														6			6											
34	32	NG3T-3LT12	125					3	3														6	3		6				6							
35	33	NG3T-3LT12	305					3	3			3			6								6	3		6				6							
36	34	NGII-2LT12	30					2	2													3	3			6				4							Vượt đường phía cột 35
37	35	NG-LT12	92					1	1													3	5	3		8				6					6		Vượt đường phía cột 34
40	TBA Bản Liền 2		26					2	2															15											22		
*	ĐZ 35kV NR Bản Liền 1																																			
41	01	NG-LT12	20					1	1														3	1		3											
42	02	ĐT-LT12	165					1	1				1											6										3	6		
43	03	NG-LT12	119					1	1														6	1		6											
44	04	NG-LT12	87					1	1														6	1		6									6		

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	HIỆN TRẠNG				VẬT TƯ MỚI																												Ghi chú
					Cột điện									Dây néo		Tiếp địa		Dây tiếp địa dọc cột					Cách điện														
					BTLT 18m	BTLT 16m	BTLT 14m	BTLT 12m	Biển báo số cột + biển báo an toàn	Móng cột MT5-16	Cột BTLT PC.1-16-9.2	Chụp cột thép tròn Ø216-3m	Xà đỡ vượt XDY-35	Dây néo DN 20-16	Dây néo DN 20-14	RP1	RPJ-3T	18m	16m	14m	12m	Mố dẫn điện	Chuỗi néo kép Polymer 35kV(≥70kN)+phụ kiện (Không giáp nối)	Chuỗi néo đơn Polymer 35kV(≥70kN) +phụ kiện (Không giáp nối)	Cách điện đứng VHD-48kV	Giáp nối dây dẫn 70/11	Giáp nối dây dẫn 50/8	Khóa néo 5 chỉ tiết	Khóa néo ép dây dẫn 70/30	Khóa néo ép dây dẫn 50/30	Đầu cốt siết lưỡng kim 50-95mm2 (2BL)	Tạ chống rung	Dây nhôm lõi thép tăng cường AC-70/29	Dây nhôm lõi thép tăng cường AC-50/29	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m) khóa cổ sứ	Ghíp nhôm A25-120 (3BL)	Dao các ly 3 pha 35kV chém ngang (bộ)	
45	TBA Bản Liền 1		41					2	2																15											22		
V	ĐZ 35KV xã Hoàng Thu Phố - Bắc hà (WB)			3	9	1	16	55	78	1	1	9	4		14	15	3	6		4	13	0.41	109	138	122		207	18		22	92	22		6369.9	15	132		
1	01	NGII-2LT12	20					2	2															6	9		6										
2	02	NG-LT12	56					1	1														3	3	1		6										Vượt đường phía cột 03
3	03	NTII-2LT12	191					2	2														3	3			6										Vượt đường phía cột 02
4	04	NG3T-3LT14	375				3		3														2	3				3		2	4	2					Vượt đường phía cột 05
5	05	NG3T-2LT14(1LT18)	430	1	3		3		3														2	3				3		2	4	2		877.2			Khoảng vượt lớn hơn 400m đã có 1pha dây tăng cường
6	06	ĐT-LT12	70					1	1			1	1												6										3	6	
7	07	NG-LT12	103					1	1			1			2	1					1	0.02	6		1		6										Vượt đường 2 phía
8	07M1	ĐT1P-CT8	25																																		
9	08	ĐT-LT12	63					1	1			1	1												6										3	6	Vượt đường phía cột 07
10	09	NGII-2LT12	76					2	2														3	3			6										Vượt đường phía cột 10
11	10	NGII-2LT12	179					2	2														6				3			3		3					Vượt đường 2 phía
12	11	NGII-2LT12	561					2	2							1					1	0.02	3	3			3			3	6	3		1716.66			Khoảng vượt lớn hơn 400m
13	12	NGII-2LT14	202				2		2							1					1	0.02		9	1		9									6	Điểm đấu NR UB, Ủy Sin Chồ
14	13	NG3T-3LT14	378				3		3															9			6	3			6						
15	14	NG-LT12	344					1	1			1			2	1					1	0.02		6	1		6										
16	15	NG-LT14	63				1		1							1				1		0.02	3	3	1		6										Vượt đường hướng về cột 16
17	16	NG-LT16	95			1			1														6		1		6										Vượt đường 2 phía

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	HIỆN TRẠNG				VẬT TƯ MỚI																												Ghi chú
					Cột điện									Dây néo		Tiếp địa		Dây tiếp địa dọc cột					Cách điện														
					BTLT 18m	BTLT 16m	BTLT 14m	BTLT 12m	Biển báo số cột + biển báo an toàn	Móng cột MT5-16	Cột BTLT PC.I-16-9.2	Chụp cột thép tròn Ø216-3m	Xà đỡ vượt XĐV-35	Dây néo DN 20-16	Dây néo DN 20-14	RP1	RP1-3T	18m	16m	14m	12m	Mỡ dẫn điện	Chuỗi néo kép Polymer 35kV(≥70kN)+phụ kiện (Không giáp níu)	Chuỗi néo đơn Polymer 35kV(≥70kN) +phụ kiện (Không giáp níu)	Cách điện đứng VHD-48kV	Giáp níu dây dẫn 70/11	Giáp níu dây dẫn 50/8	Khóa néo 5 chi tiết	Khóa néo ép dây dẫn 70/30	Khóa néo ép dây dẫn 50/30	Đầu cốt siết lưỡng kim 50-95mm2 (2BL)	Tạ chống rung	Dây nhôm lõi thép tăng cường AC-70/29	Dây nhôm lõi thép tăng cường AC-50/29	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m) khóa cổ sứ	Ghíp nhôm A25-120 (3BL)	Dao các ly 3 pha 35kVchém ngang (bộ)	
18	17	NG-LT12	239					1	1							1					1	0.02	3	3	1		6										Vượt đường hướng về cột 16
19	18	NG3T-3LT14	158				3		3								1			3		0.04	3	6			3	3		3	6	3					
20	19	NG3T-3LT18	560	1	3				3								1	3				0.04	6	3				3		6		6		1713.6				Khoảng vượt lớn hơn 400m
21	20	NG3T-3LT18	674	1	3				3								1	3				0.04	6	3			3	3		3	6	3		2062.44				Khoảng vượt lớn hơn 400m
22	21	NGII-2LT12	197					2	2														6				6				6							Vượt đường 2 phía
23	22	NGII-2LT12	306					2	2							1					1	0.02	6		7		6				6					6		Điểm đấu NR Nậm Hu. Vượt đường 2 phía
24	23	NGII-2LT12	360					2	2														6				6											Vượt đường 2 phía
25	24	NG-LT12	209					1	1														6		1		6											Vượt đường 2 phía
26	25	ĐT-LT12	164					1	1																6										3	6		
27	26	NG-LT12	78					1	1															3	1		3				6							
28	27	NG-LT12	164					1	1							1					1	0.02	3	3	1		6											Vượt đường phía cột 28
29	28	NG-LT12	133					1	1							1					1	0.02	3	3	1		6				6							Vượt đường phía cột 27
30	29	ĐT-LT12	139					1	1				1												6										3	6		
31	30	NGII-2LT12	169					2	2			2			4	1					1	0.02	3	3			6				6							Vượt đường phía cột 31
32	31	NGII-2LT12	227					2	2							1					1	0.02	3	3			6											Vượt đường phía cột 30
33	32	NGII-2LT12	302					2	2														3	3			6				6							Vượt đường phía cột 32M1
34	32M1	ĐT-LT12	150					1	1	1	1		1			1						0.01			6										3	6		Vượt đường phía cột 32
35	33	NGII-2LT12	230					2	2							1					1	0.02	6				6				6							Vượt đường 2 phía
36	34	NG-LT12	200					1	1			1			2								6		1		6				6							Vượt đường 2 phía
37	35	NG-LT12	166					1	1			1			2								3	3	1		6				6							Vượt đường phía cột 34

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	HIỆN TRẠNG				VẬT TƯ MỚI																											Ghi chú
					Cột điện									Dây néo		Tiếp địa		Dây tiếp địa dọc cột				Cách điện														
					BTLT 18m	BTLT 16m	BTLT 14m	BTLT 12m	Biển báo số cột + biển báo an toàn	Móng cột MT5-16	Cột BTLT PC.I-16-9.2	Chụp cột thép tròn Ø216-3m	Xà đỡ vượt XĐY-35	Dây néo DN 20-16	Dây néo DN 20-14	RP1	RPI-3T	18m	16m	14m	12m	Mỡ dẫn điện	Chuỗi néo kép Polymer 35kV(≥70kN)+phụ kiện (Không giáp nối)	Chuỗi néo đơn Polymer 35kV(≥70kN) +phụ kiện (Không giáp nối)	Cách điện đứng VHD-48kV	Giáp nối dây dẫn 70/11	Giáp nối dây dẫn 50/8	Khóa néo 5 chi tiết	Khóa néo ép dây dẫn 70/30	Khóa néo ép dây dẫn 50/30	Đầu cốt siết lưỡng kim 50-95mm2 (2BL)	Tạ chống rung	Dây nhôm lõi thép tăng cường AC-70/29	Dây nhôm lõi thép tăng cường AC-50/29	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m) khóa cổ sứ	Ghíp nhôm A25-D0 (3BL)	Dao các ly 3 pha 35kV chém ngang (bộ)	
38	36	NG-LT12	143					1	1							1					1	0.02		6	1		6									6		
39	TBA Bản Pẩy		20					1	1																12											12		
*	ĐZ 35kV NR Ủy Sìn Chồ																																					
39	01	NT-LT12	87					1	1															3	5		3											
40	02	ĐT-LT12	82					1	1																13											24		Cột TBA UB Hoàng Thu Phố
41	03	NG-LT14	106				1		1															6	1		6											
42	04	NGII-2LT12	112					2	2															6	3		6				6					6		Điểm đấu NR Hoàng Hạ 2
43	04M1	NGII-2LT12	186					2	2															6			6											
44	05	NGII-2LT12	186					2	2															6			6											
45	06	NG-LT12	145					1	1			1			2	1					1	0.02		6	1		6											
46	07	NG-LT12	41					1	1															6	1		6											
47	TBA Ủy Sìn Chồ		42					1	1																13											24		
*	ĐZ 35kV NR Nậm Hu																																					
48	01	NT-LT12	16					1	1															6	1		6											
49	TBA Nậm Hu		30					2	2																12											18		

BẢNG TỔNG KÊ VẬT TƯ ĐZ 35KV KHU VỰC HUYỆN BẮC HÀ

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	LẮP ĐẶT LẠI										THÁO THU HỒI																	Ghi chú
							Xà				Cổ Dề								Cách điện						Dây néo							
					Dây dẫn AC-70/11mm	Dây dẫn AC-50mm	XNII-3L (xà II 3,0m)	XN35-1L	XĐV-35	XP1	Cổ dề néo góc CDG	Cổ dề CDN-2A	Cổ dề đỡ sứ	Kim thu sét	Cột BTLT 12m	Chụp cột thép	XĐ-35	Cổ dề đỡ sứ	Chuỗi néo PC 70 (4 bát)	Chuỗi néo PC 70 (3 bát)đỡ lèo	Chuỗi Pô ly me đơn 35kV	Sứ đứng Pô ly me 35	Sứ đứng VHĐ-35kv	Khóa néo 5 chi tiết	Dây néo DN20-14	Dây néo DN20-12	Dây nhôm lõi thép AC-70/11(m)	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m)	Ghíp nhôm A50-95	Đầu cốt M70	Dao các ly 3 pha 35kVchém đứng (bộ)	
Tổng cộng				5	3918	13965	7	9	4	10	9	14	4	4	1	28	11	9	482	24	358	11	408	843		48	5696	12278	499	82	1	
1	ĐZ 35kv xã Nậm Mòn - Bắc Hà (WB)			1		851.43		2				2				1	1	1	45	6	9		42	60		4			20	6	1	
*	ĐZ 35kV NR Nậm Mòn 1																															
1	01	NTII-2LT12	30																6				8	6						6	1	
2	01A	NT-LT12	42																		6		12	6					12			
3	02	ĐT-LT12	60			181.8										1	1	1					3									Vượt đường phía cột 03
4	03	NTII-2LT12	70	1		212.1													6					6								Vượt đường 2 phía
5	04	NGII-2LT12	419																6					6								Vượt đường phía cột 03
6	05	NG3T-3LT16	274																6	3				9								
7	06	NG3T-3LT16	470																6	3	3			12					6			Điểm đấu NR Cốc Ly
8	07	NGII-2LT14	186																3					3								
9	TBA Nậm Mòn 1		17																				14									
*	ĐZ 35kV NR Nậm Mòn 2																															
10	01	NT-1LT12	22			66.7		1				1							6				1	6		2			2			
11	02	NC-LT12	120			363.6		1				1							6				1	6		2						
11	TBA Nậm Mòn 2		9			27.3																	3									

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	LẮP ĐẶT LẠI										THÁO THU HỒI																Ghi chú
					Dây dẫn AC-70/11mm	Dây dẫn AC-50mm	Xà				Cổ Dề			Kim thu sét	Cột BTLT 12m	Chụp cột thép	XĐ-35	Cổ dề đỡ sứ	Cách điện					Khóa néo 5 chi tiết	Dây néo		Dây nhôm lõi thép AC-70/11(m)	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m)	Ghíp nhôm A50-95	Đầu cốt M70	Dao các ly 3 pha 35kVchém đứng (bộ)	
							XNII-3L (xà II 3,0m)	XN35-1L	XDV-35	XP1	Cổ dề néo góc CDG	Cổ dề CDN-2A	Cổ dề đỡ sứ						Chuỗi néo PC 70 (4 bát)	Chuỗi néo PC 70 (3 bát)đỡ lèo	Chuỗi Pô ly me đơn 35kV	Sứ đứng Pô ly me 35	Sứ đứng VHĐ-35kv		Dây néo DN20-14	Dây néo DN20-12						
II	ĐZ 35kV nhánh rẽ TBA Nậm Mòn Hạ (Cấp điện thôn Nậm Mòn Hạ)					930.21		1			1	1				1					57		25	45		2			12	6		
1	01	NTII-2LT12	17																		6		5	6								Vượt đường hướng về cột 02
2	02	ĐT-LT12	65																				6						6			Vượt đường hướng về cột 01
3	03	NT-LT12	58																		6		1									
4	04	NG-LT12	90																		6		1	6								Điểm đấu TBA Nậm Mòn
5	05	NG-LT12	263																		6		1	6								
6	06	NG-LT12	208																		6		1	6								Vượt đường hướng về cột 07
7	07	NTII-2LT12	247																		6			6						6		Vượt đường 2 phía
8	08	NG-LT12	201			609.0		1			1	1				1					6		1	6		2						Vượt đường hướng về cột 07
9	09	NG-LT12	106			321.2															6		1									
10	10	NG-LT12	195																		6		1	6					6			
11	TBA Nậm Mòn Hạ		41																		3		7	3								
III	Đường dây 35KV (Đưa điện về xã Cốc ly Huyện Bắc hà)			1	3918	2378.6	5		2	6	3	3	2	1		11	3	2			284	3	126	274		26	5696		112	60		
*	ĐZ 35kV NR Cốc Ly																															
1	01	NGII-2LT12	43																		6		4	6								
2	02	NGII-2LT12	277																		6			6								

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	LẮP ĐẶT LẠI										THÁO THU HỒI																Ghi chú
							Xà				Cổ Dề								Cách điện						Dây néo						
					Dây dẫn AC-70/11mm	Dây dẫn AC-50mm	XNII-3L (xà II 3,0m)	XN35-1L	XĐV-35	XP1	Cổ dề néo góc CDG	Cổ dề CDN-2A	Cổ dề đỡ sứ	Kìm thu sét	Cột BTLT 12m	Chụp cột thép	XĐ-35	Cổ dề đỡ sứ	Chuỗi néo PC 70 (4 bát)	Chuỗi néo PC 70 (3 bát)đỡ lèo	Chuỗi Pô ly me đơn 35kV	Sứ đứng Pô ly me 35	Sứ đứng VHD-35kv	Khóa néo 5 chi tiết	Dây néo DN20-14	Dây néo DN20-12	Dây nhôm lõi thép AC-70/11(m)	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m)	Ghíp nhôm A50-95	Đầu cốt M70	Dao các ly 3 pha 35kVchém đứng (bộ)	
3	03	NTII-2LT12	191																		6			6								
4	04	NGII-2LT12	329																		6			6						2		Vượt đường phía cột 05
5	05	NG3T-3LT18	337																		6		3	6								Vượt đường phía cột 04
6	06	NG3T-3LT12	127		384.8					6	3	3				3					7		9	6		6			6			Điểm đấu NR Nậm Mòn Hạ
7	06M1	ĐT-3CT8	30		90.9																		6									
8	07	NGII-2LT12	385																		6			6						2		
9	08	NTII-2LT12	270																		7			7					6			Điểm đấu NR Ngải Số
10	09	ĐT-LT12	113														1	1					3									
11	10	NGII-2LT12	109																		6			6								
12	11	NGII-2LT12	246		745.4		1.0							1							6			6		4				2		
13	12	NGII-2LT12	265		803		1.0														7	3		7		4			6	6		Điểm đấu NR Cốc Cài Thượng
14	13	ĐV-LT14	116		351.5				1				1			1							6						6			
15	14	ĐV-LT14	57		172.7				1				1			1							6						6			
16	15	NG-LT12	127		384.8																6		1	6						6		Vượt đường hướng về cột 14
17	16	NGII-2LT12	97	1	293.9		1.0									2					6			6		4						Vượt đường hướng về cột 17
18	17	NGII-2LT12	228		690.8																6			6						4		Vượt đường 2 phía
19	18	NGII-2LT12	360																		6			6						6		Vượt đường hướng về cột 17

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	LẮP ĐẶT LẠI										THÁO THU HỒI																Ghi chú
					Dây dẫn AC-70/11mm	Dây dẫn AC-50mm	Xà				Cổ Dề			Kim thu sét	Cột BTLT 12m	Chụp cột thép	XĐ-35	Cổ dề đỡ sứ	Cách điện					Khóa néo 5 chi tiết	Dây néo		Dây nhôm lõi thép AC-70/11(m)	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m)	Ghíp nhôm A50-95	Đầu cốt M70	Dao các ly 3 pha 35kVchém đứng (bộ)	
							XNII-3L (xà II 3,0m)	XN35-1L	XĐV-35	XP1	Cổ dề néo góc CDG	Cổ dề CDN-2A	Cổ dề đỡ sứ						Chuỗi néo PC 70 (4 bát)	Chuỗi néo PC 70 (3 bát)đỡ lèo	Chuỗi Pô ly me đơn 35kV	Sứ đứng Pô ly me 35	Sứ đứng VHĐ-35kv		Dây néo DN20-14	Dây néo DN20-12						
20	19	ĐV-LT12	56																				6						6			Vượt đường hướng về cột 20
21	20	NGII-2LT12	141																		6			6						6		Vượt đường hướng về cột 19
22	20M1	ĐV-LT12	154																				6						6			
23	21	NGII-2LT12	183																		6			6					2	4		Vượt đường hướng về cột 22
24	22	NGII-2LT12	282																		6			6						6		Vượt đường hướng về cột 21
25	23	ĐV-LT12	103																				6						6			
26	24	ĐV-LT12	117																				8						12			Điểm đấu NR Nậm Hán 1
27	TBA Nậm Hán 1		37																				9						6			
28	25	NG-LT12	107																		6		1							2		Vượt đường hướng về cột 24
29	26	NGII-2LT12	49																		7		5	7					14			Điểm đấu NR Nậm Giá
30	27	NG3T-3LT14	312																		6		3	6					6			
31	28	NG3T-3LT12	485																		6		3	6			1470					Khoảng vượt lớn hơn 400m
32	29	NTII-2LT12	117																		6			6						2		
33	30	NTII-2LT12	312																		6			6					6			Điểm đấu MV Lùng Xa
34	30M1	NT-LT18	152																													Điểm đấu NR Nậm Hán 2
35	31	NTII-2LT12	102																		6			6								Vượt đường hướng về cột 32
36	32	NG3T-3LT12	227																		6		3	6								Vượt đường hướng về cột 31

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	LẮP ĐẶT LẠI										THÁO THU HỒI																Ghi chú
							Xà				Cổ Dề								Cách điện						Dây néo						
					Dây dẫn AC-70/11mm	Dây dẫn AC-50mm	XNII-3L (xà II 3,0m)	XN35-1L	XĐV-35	XP1	Cổ dề néo góc CDG	Cổ dề CDN-2A	Cổ dề đỡ sứ	Kim thu sét	Cột BTLT 12m	Chụp cột thép	XĐ-35	Cổ dề đỡ sứ	Chuỗi néo PC 70 (4 bát)	Chuỗi néo PC 70 (3 bát)đỡ lèo	Chuỗi Pô ly me đơn 35kV	Sứ đứng Pô ly me 35	Sứ đứng VHĐ-35kv	Khóa néo 5 chi tiết	Dây néo DN20-14	Dây néo DN20-12	Dây nhôm lõi thép AC-70/11(m)	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m)	Ghíp nhôm A50-95	Đầu cốt M70	Dao các ly 3 pha 35kVchém đứng (bộ)	
37	33	NG3T-3LT12	562																		6		3	6			1703					Khoảng vượt lớn hơn 400m
38	34	NG3T-3LT12	109																		6			6								
39	35	NG3T-3LT12	406																		6			6			1230					Khoảng vượt lớn hơn 400m
40	36	NG3T-3LT12	427																		6			6			1294					Khoảng vượt lớn hơn 400m
41	37	NG3T-3LT12	397																		6			6					6			
42	TBA Cốc Xâm		47																		3		7	3								
*	ĐZ 35kV NR Nậm Giá																															
43	01	NTII-2LT12	35																		6			6					6			
44	02	NGII-2LT12	257																		6			6								
45	03	NGII-2LT12	196																		7		5	7					6	6		Điểm đấu NR Nậm Hán
46	04	ĐT-LT12	113			342.4											1	1					3									
47	05	NG-LT12	86			260.6															6		1	6								
48	06	NG-LT12	152																		6		1	6								
49	07	ĐT-LT12	94			284.8											1						3									
50	08	NGII-2LT12	85																		6			6						6		
51	09	NGII-2LT12	254																		6			6								
52	10	NGII-2LT12	165			500.0	1.0									2					6			6		4						

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	LẮP ĐẶT LẠI										THÁO THU HỒI																	Ghi chú
					Dây dẫn AC-70/11mm	Dây dẫn AC-50mm	Xà				Cổ Dề			Kim thu sét	Cột BTLT 12m	Chụp cột thép	XĐ-35	Cổ dề đỡ sứ	Cách điện					Khóa néo 5 chi tiết	Dây néo		Dây nhôm lõi thép AC-70/11(m)	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m)	Ghíp nhôm A50-95	Đầu cốt M70	Dao các ly 3 pha 35kVchém đứng (bộ)	
							XNII-3L (xà II 3,0m)	XN35-1L	XDV-35	XP1	Cổ dề néo góc CDG	Cổ dề CDN-2A	Cổ dề đỡ sứ						Chuỗi néo PC 70 (4 bát)	Chuỗi néo PC 70 (3 bát)đỡ lèo	Chuỗi Pô ly me đơn 35kV	Sứ đứng Pô ly me 35	Sứ đứng VHĐ-35kv		Dây néo DN20-14	Dây néo DN20-12						
53	11	NGII-2LT12	279			845.4	1.0									2					6			6		4						
54	12	NG-LT12	48			145.4															6		1	6								
55	13	NG-LT12	62																		6		1	6								
56	TBA Nậm Giá		18																		3		5									
*	ĐZ 35kV NR Nậm Hán																															
57	01	NG-LT12	53																		6		1	6								
58	02	NG-LT12	107																		6		1	6								
59	03	NG-LT12	86																		6		1	6								
60	TBA Nậm Hán		20																		3		5	3								
IV	ĐZ 35KV xã Bản Liền Bắc Hà.					3666.3	1	1	2	4	3	3	2			7	3	2	208		2	2	110	208		4		5970.6	179	6		
*	ĐZ 35kV NR Bản Liền																															
1	01	NTII-2LT12	25																6				4	6						6		Vượt đường phía cột 02
2	02	NT-LT14	94																6				11	6								Vượt đường 2 phía
3	03	NG-LT14	94																6				2	6								Vượt đường 2 phía
4	04	ĐT-LT12	118			357.5											1	1					3									Vượt đường 2 phía
5	05	NGII-2LT16	156			472.7													6					6					6			Vượt đường 2 phía
6	06	NGII-2LT12	237																6					6								Vượt đường 2 phía

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	LẮP ĐẶT LẠI										THÁO THU HỒI																Ghi chú
					Dây dẫn AC-70/11mm	Dây dẫn AC-50mm	Xà				Cổ Dề			Kim thu sét	Cột BTLT 12m	Chụp cột thép	XD-35	Cổ dề đỡ sứ	Cách điện					Khóa néo 5 chi tiết	Dây néo		Dây nhôm lõi thép AC-70/11(m)	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m)	Ghíp nhôm A50-95	Đầu cốt M70	Dao các ly 3 pha 35kVchém đứng (bộ)	
							XNII-3L (xà II 3,0m)	XN35-1L	XDV-35	XP1	Cổ dề néo góc CDG	Cổ dề CDN-2A	Cổ dề đỡ sứ						Chuỗi néo PC 70 (4 bát)	Chuỗi néo PC 70 (3 bát)đỡ lèo	Chuỗi Pô ly me đơn 35kV	Sứ đứng Pô ly me 35	Sứ đứng VHĐ-35kv		Dây néo DN20-14	Dây néo DN20-12					
7	07	NGII-2LT12	256			775.7	1.0	1		1						2			7				7	7		4			16			Vượt đường 2 phía
8	08	NGII-2LT12	375			1136.3													6					6								Vượt đường phía 07
9	09	NG-LT12	197																6				1	6					6			
10	10	NG-LT12	236																6				1	6								
11	10M1	ĐT-LT12	213														1						3									
12	11	NGII-2LT12	337																6					6								
13	12	NGII-2LT12	95																6					6								
14	13	NG-LT12	115																6				1	6					6			
15	14	ĐT-LT12	143						1				1			1							6						6			
16	15	ĐT-LT12	300						1				1			1							6						6			
17	16	NG3T-3LT12	130																6				3	6					2			
18	17	NG3T-3LT12	473																6				3	6				1433.2	6			Khoảng vượt lớn hơn 400m
19	18	NG3T-3LT12	148																6				3	6					6			
20	19	NG3T-3LT12	541																6				3	6				1637.7	6			Khoảng vượt lớn hơn 400m
21	19M1	ĐT-3LT8m																				2	2									
22	20	NG3T-3LT12	547																6				3	6				1657.4	2			Khoảng vượt lớn hơn 400m
23	21	NGII-2LT12	160																6					6								

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	LẮP ĐẶT LẠI										THÁO THU HỒI															Ghi chú
					Dây dẫn AC-70/11mm	Dây dẫn AC-50mm	Xà				Cổ Dề			Kim thu sét	Cột BTLT 12m	Chụp cột thép	XĐ-35	Cổ dề đỡ sứ	Cách điện					Khóa néo 5 chi tiết	Dây néo		Dây nhôm lõi thép AC-70/11(m)	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m)	Ghíp nhôm A50-95	Đầu cốt M70	Dao các ly 3 pha 35kVchém đứng (bộ)	
							XNII-3L (xà II 3,0m)	XN35-1L	XĐV-35	XP1	Cổ dề néo góc CDG	Cổ dề CDN-2A	Cổ dề đỡ sứ						Chuỗi néo PC 70 (4 bát)	Chuỗi néo PC 70 (3 bát)đỡ lèo	Chuỗi Pô ly me đơn 35kV	Sứ đứng Pô ly me 35	Sứ đứng VHĐ-35kv		Dây néo DN20-14	Dây néo DN20-12						
24	22	NGII-2LT12	217																6					6								
25	23	NGII-2LT12	244																6					6					6			
26	24	NGII-2LT12	182																6				3	6					6			Điểm đấu NR Đội 3, vượt đường cột về phía cột 25
27	25	NGII-2LT12	177																6					6								Vượt đường 2 phía
28	26	NGII-2LT12	255																6					6								Vượt đường 2 phía
29	27	NGII-2LT12	273																6					6					6			Vượt đường phía cột 26
30	28	NGII-2LT12	204																6					6					6			
31	29	NGII-2LT12	410																6					6				1242.3	9			Khoảng vượt lớn hơn 400m
32	30	NGII-2LT12	118																6					6								
33	31	NGII-2LT12	65																6					6								
34	32	NG3T-3LT12	125																6				3	6					6			
35	33	NG3T-3LT12	305			924.2				3	3	3				3			6				3	6					6			
36	34	NGII-2LT12	30																6					6					4			Vượt đường phía cột 35
37	35	NG-LT12	92																6		2		3	6					12			Vượt đường phía cột 34
40	TBA Bản Liền 2		26																				15						22			
*	ĐZ 35kV NR Bản Liền 1																															
41	01	NG-LT12	20																3				1	3								

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	LẮP ĐẶT LẠI										THÁO THU HỒI																	Ghi chú
					Dây dẫn AC-70/11mm	Dây dẫn AC-50mm	Xà				Cổ Dề			Kim thu sét	Cột BTLT 12m	Chụp cột thép	XD-35	Cổ dề đỡ sứ	Cách điện					Khóa néo 5 chi tiết	Dây néo		Dây nhôm lõi thép AC-70/11(m)	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m)	Ghíp nhôm A50-95	Đầu cốt M70	Dao các ly 3 pha 35kVchém đứng (bộ)	
							XNII-3L (xà II 3,0m)	XN35-1L	XDV-35	XP1	Cổ dề néo góc CDG	Cổ dề CDN-2A	Cổ dề đỡ sứ						Chuỗi néo PC 70 (4 bát)	Chuỗi néo PC 70 (3 bát)đỡ lèo	Chuỗi Pô ly me đơn 35kV	Sứ đứng Pô ly me 35	Sứ đứng VHĐ-35kv		Dây néo DN20-14	Dây néo DN20-12						
42	02	ĐT-LT12	165														1	1					3									
43	03	NG-LT12	119																6				1	6								
44	04	NG-LT12	87																6				1	6					6			
45	TBA Băn Liền 1		41																				15						22			
V	ĐZ 35KV xã Hoàng Thu Phố - Bắc hà (WB)			3		6138.8	1	5			2	5		3	1	8	4	4	229	18	6	6	105	256		12		6307.5	176	4		
1	01	NGII-2LT12	20																6				9	6								
2	02	NG-LT12	56																6				1	6								Vượt đường phía cột 03
3	03	NTII-2LT12	191																6					6								Vượt đường phía cột 02
4	04	NG3T-3LT14	375																5	3				8						4		Vượt đường phía cột 05
5	05	NG3T-2LT14(1LT18)	430	1															5	3				8				868.6	2			Khoảng vượt lớn hơn 400m đã có 1pha dây tăng cường
6	06	ĐT-LT12	70			212.1										1	1	1					3									
7	07	NG-LT12	103			312.1		1				1							6				1	6		2						Vượt đường 2 phía
8	07M1	ĐT1P-CT8	25																													
9	08	ĐT-LT12	63			190.9										1	1	1					3									Vượt đường phía cột 07
10	09	NGII-2LT12	76																6					6								Vượt đường phía cột 10
11	10	NGII-2LT12	179																6					6								Vượt đường 2 phía

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	LẮP ĐẶT LẠI										THÁO THU HỒI																Ghi chú
					Dây dẫn AC-70/11mm	Dây dẫn AC-50mm	Xà				Cổ Dề			Kim thu sét	Cột BTLT 12m	Chụp cột thép	XD-35	Cổ dề đỡ sứ	Cách điện					Khóa néo 5 chi tiết	Dây néo		Dây nhôm lõi thép AC-70/11(m)	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m)	Ghíp nhôm A50-95	Đầu cốt M70	Dao các ly 3 pha 35kVchém đứng (bộ)	
							XNII-3L (xà II 3,0m)	XN35-1L	XDV-35	XP1	Cổ dề néo góc CDG	Cổ dề CDN-2A	Cổ dề đỡ sứ						Chuỗi néo PC 70 (4 bát)	Chuỗi néo PC 70 (3 bát)đỡ lèo	Chuỗi Pô ly me đơn 35kV	Sứ đứng Pô ly me 35	Sứ đứng VHD-35kv		Dây néo DN20-14	Dây néo DN20-12						
12	11	NGII-2LT12	561																6					6				1699.8				Khoảng vượt lớn hơn 400m
13	12	NGII-2LT14	202																9				1	9					6			Điểm đấu NR UB, Ủy Sin Chồ
14	13	NG3T-3LT14	378																6	3				9					6			
15	14	NG-LT12	344			1042.3		1				1				1			6				1	6								
16	15	NG-LT14	63			190.9													6				1	6								Vượt đường hướng về cột 16
17	16	NG-LT16	95																6				1	6								Vượt đường 2 phía
18	17	NG-LT12	239																6				1	6								Vượt đường hướng về cột 16
19	18	NG3T-3LT14	158																6	3				9					6			
20	19	NG3T-3LT18	560	1															6	3				9				1696.8	6			Khoảng vượt lớn hơn 400m
21	20	NG3T-3LT18	674	1															6	3				9				2042.2	6			Khoảng vượt lớn hơn 400m
22	21	NGII-2LT12	197																6					6					6			Vượt đường 2 phía
23	22	NGII-2LT12	306																6				7	6					6			Điểm đấu NR Nậm Hu. Vượt đường 2 phía
24	23	NGII-2LT12	360																6					6								Vượt đường 2 phía
25	24	NG-LT12	209																6				1	6								Vượt đường 2 phía
26	25	ĐT-LT12	164																			6										
27	26	NG-LT12	78																3				1	6					6			
28	27	NG-LT12	164																6				1	6								Vượt đường phía cột 28

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	LẮP ĐẶT LẠI										THÁO THU HỒI																Ghi chú
							Xà				Cổ Dề								Cách điện						Dây néo						
					Dây dẫn AC-70/11mm	Dây dẫn AC-50mm	XNII-3L (xà II 3,0m)	XN35-1L	XĐV-35	XP1	Cổ dề néo góc CDG	Cổ dề CDN-2A	Cổ dề đỡ sứ	Kim thu sét	Cột BTLT 12m	Chụp cột thép	XĐ-35	Cổ dề đỡ sứ	Chuỗi néo PC 70 (4 bát)	Chuỗi néo PC 70 (3 bát)đỡ lèo	Chuỗi Pô ly me đơn 35kV	Sứ đứng Pô ly me 35	Sứ đứng VHĐ-35kv	Khóa néo 5 chi tiết	Dây néo DN20-14	Dây néo DN20-12	Dây nhôm lõi thép AC-70/11(m)	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m)	Ghíp nhôm A50-95	Đầu cốt M70	Dao các ly 3 pha 35kVchém đứng (bộ)	
29	28	NG-LT12	133																6				1	6					6			Vượt đường phía cột 27
30	29	ĐT-LT12	139			421.2											1	1					3									
31	30	NGII-2LT12	169			512.1	1.0				2			1		2			6					6		4						Vượt đường phía cột 31
32	31	NGII-2LT12	227																6					6								Vượt đường phía cột 30
33	32	NGII-2LT12	302																6					6					6			Vượt đường phía cột 32M1
34	32M1	ĐT-LT12	150			454.5									1		1	1					3									Vượt đường phía cột 32
35	33	NGII-2LT12	230			696.9													6					6					6			Vượt đường 2 phía
36	34	NG-LT12	200			606.0		1				1				1			6				1	6		2			6			Vượt đường 2 phía
37	35	NG-LT12	166			503.0		1				1		1		1			6				1	6		2			6			Vượt đường phía cột 34
38	36	NG-LT12	143			433.3													6				1	6					6			
39	TBA Bản Pấy		20																				12						12			
	ĐZ 35kV NR Ủy Sin Chồ																															
39	01	NT-LT12	87																3				5	3								
40	02	ĐT-LT12	82																				13						24			Cột TBA UB Hoàng Thu Phố
41	03	NG-LT14	106																6				1	6								
42	04	NGII-2LT12	112																6				3	6					12			Điểm đấu NR Hoàng Hạ 2
43	04M1	NGII-2LT12	186																6					6								

STT	Số cột	Chức năng	Khoảng cách	Vượt đường giao thông	LẮP ĐẶT LẠI										THÁO THU HỒI																	Ghi chú
					Dây dẫn AC-70/11mm	Dây dẫn AC-50mm	Xà				Cổ Dề			Kim thu sét	Cột BTLT 12m	Chụp cột thép	XĐ-35	Cổ dề đỡ sứ	Cách điện					Khóa néo 5 chi tiết	Dây néo		Dây nhôm lõi thép AC-70/11(m)	Dây nhôm lõi thép AC-50/8(m)	Ghíp nhôm A50-95	Đầu cốt M70	Dao các ly 3 pha 35kVchém đứng (bộ)	
							XNII-3L (xà II 3,0m)	XN35-1L	XĐV-35	XP1	Cổ dề néo góc CDG	Cổ dề CDN-2A	Cổ dề đỡ sứ						Chuỗi néo PC 70 (4 bát)	Chuỗi néo PC 70 (3 bát)đỡ lèo	Chuỗi Pô ly me đơn 35kV	Sứ đứng Pô ly me 35	Sứ đứng VHĐ-35kv		Dây néo DN20-14	Dây néo DN20-12						
44	05	NGII-2LT12	186																6					6								
45	06	NG-LT12	145			439.4		1				1		1		1			6				2	6		2						
46	07	NG-LT12	41			124.2													6				1	6								
47	TBA Ủy Sin Chồ		42																				13						24			
*	ĐZ 35kV NR Nậm Hu																															
48	01	NT-LT12	16																		6		1	6								
49	TBA Nậm Hu		30																				12						18			
															1	2	3	4	5		6	7	8	9	10	11		12	13	14	15	

BẢNG TỔNG KÊ BIỂN SỐ CỘT

STT	Vị trí cột	Số lượng biển	Ghi chú
	Tổng cộng	**304**	
I	**N. NẬM MÒN 1**	**18**	
1	01	2	
2	01A	1	
3	02	1	
4	03	2	
5	04	2	
6	05	3	
7	06	3	
8	07	2	
9	TBA Nậm Mòn 1	2	
II	**N. NẬM MÒN 2**	**4**	
10	01	1	
11	02	1	
11	TBA Nậm Mòn 2	2	
III	**N. NẬM MÒN HẠ**	**14**	
1	01	2	
2	02	1	
3	03	1	
4	04	1	
5	05	1	
6	06	1	
7	07	2	
8	08	1	
9	09	1	
10	10	1	
11	TBA Nậm Mòn Hạ	2	
IV	**N. CỐC LY**	**83**	
1	01	2	
2	02	2	
3	03	2	
4	04	2	
5	05	3	
6	06	3	
7	06M1	3	
8	07	2	
9	08	2	
10	09	1	

STT	Vị trí cột	Số lượng biển	Ghi chú
11	10	2	
12	11	2	
13	12	2	
14	13	1	
15	14	1	
16	15	1	
17	16	2	
18	17	2	
19	18	2	
20	19	1	
21	20	2	
22	20M1	1	
23	21	2	
24	22	2	
25	23	1	
26	**24**	1	
27	TBA Nậm Hán 1	2	
28	25	1	
29	26	2	
30	27	3	
31	28	3	
32	29	2	
33	30	2	
34	30M1		
35	31	2	
36	32	3	
37	33	3	
38	34	3	
39	35	3	
40	36	3	
41	37	3	
42	**TBA Cốc Xâm**	1	
V	**N. NẬM GIÁ**	**22**	
43	01	2	
44	02	2	
45	03	2	
46	04	1	
47	05	1	
48	06	1	

STT	Vị trí cột	Số lượng biển	Ghi chú
49	07	1	
50	08	2	
51	09	2	
52	10	2	
53	11	2	
54	12	1	
55	13	1	
56	TBA Nậm Giá	2	
V	**N. NẬM HÁN**	**5**	
57	01	1	
58	02	1	
59	03	1	
60	TBA Nậm Hán	2	
VI	**N. BẢN LIỀN**	**74**	
1	01	2	
2	02	1	
3	03	1	
4	04	1	
5	05	2	
6	06	2	
7	07	2	
8	08	2	
9	09	1	
10	10	1	
11	10M1	1	
12	11	2	
13	12	2	
14	13	1	
15	14	1	
16	15	1	
17	16	3	
18	17	3	
19	18	3	
20	19	3	
21	19M1	3	
22	20	3	
23	21	2	
24	22	2	
25	23	2	

STT	Vị trí cột	Số lượng biển	Ghi chú
26	24	2	
27	25	2	
28	26	2	
29	27	2	
30	28	2	
31	29	2	
32	30	2	
33	31	2	
34	32	3	
35	33	3	
36	34	2	
37	35	1	
40	TBA Bản Liền 2	2	
VII	**N. BẢN LIỀN 1**	**6**	
41	01	1	
42	02	1	
43	03	1	
44	04	1	
45	TBA Bản Liền 1	2	
VIII	**N. HOÀNG THU PHÓ**	**63**	
1	01	2	
2	02	1	
3	03	2	
4	04	3	
5	05	3	
6	06	1	
7	07	1	
8	07M1		
9	08	1	
10	09	2	
11	10	2	
12	11	2	
13	12	2	
14	13	3	
15	14	1	
16	15	1	
17	16	1	
18	17	1	
19	18	3	

STT	Vị trí cột	Số lượng biển	Ghi chú
20	19	3	
21	20	3	
22	21	2	
23	22	2	
24	23	2	
25	24	1	
26	25	1	
27	26	1	
28	27	1	
29	28	1	
30	29	1	
31	30	2	
32	31	2	
33	32	2	
34	32M1	1	
35	33	2	
36	34	1	
37	35	1	
38	36	1	
39	TBA Bản Pấy	1	
IX	**N. ỦY SỈN CHỒ**	**12**	
39	01	1	
40	02	1	
41	03	1	
42	04	2	
43	04M1	2	
44	05	2	
45	06	1	
46	07	1	
47	TBA Ủy Sỉn Chồ	1	
X	**N. NẬM HU**	**3**	
48	01	1	
49	TBA Nậm Hu	2	